THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Bảo Khánh*, Trịnh Ngọc Linh San*, Vũ Thị Hòa*, Trịnh Ngọc Hương Giang*, Cao Thị Huyền**
***Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh**
**** Đại học Đồng Nai**
Email: tnhgiang1979@gmail.com

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng ở học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang, khảo sát 468 học sinh bằng thang đo Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ), kết hợp thông tin từ giáo viên và phụ huynh. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình sàng lọc, tư vấn và hỗ trợ tâm lý học đường nhằm nâng cao sức khỏe tinh thần cho học sinh tiểu học.*

Từ khóa: *khó khăn tâm lý; học sinh tiểu học; sức khỏe tâm thần; SDQ; Thành phố Hồ Chí Minh.*

CURRENT SITUATION AND FACTORS AFFECTING PSYCHOLOGICAL DIFFICULTIES IN PRIMARY SCHOOL STUDENTS IN HO CHI MINH CITY

Abstract: *This study aims to assess the current situation of psychological difficulties and analyze some influencing factors in primary school students in Ho Chi Minh City. The study used a cross-sectional design, surveying 468 students using the Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ), combined with information from teachers and parents. The research results contribute to providing a scientific basis for developing school-based psychological screening, counseling, and support programs to improve the mental health of primary school students.*

Keywords: *psychological difficulty; primary school students; mental health; SDQ; Ho Chi Minh City.*

Nhận bài: 18/05/2026 Phản biện: 18/06/2026 Duyệt đăng: 21/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, sức khỏe tâm thần học đường đã trở thành một trong những vấn đề được quan tâm ở nhiều quốc gia do số lượng trẻ em gặp khó khăn về cảm xúc, hành vi và khả năng thích nghi có xu hướng gia tăng. Những khó khăn này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn tác động đến sự phát triển nhân cách, kỹ năng xã hội và sức khỏe tinh thần lâu dài của trẻ (Costello và cộng sự, 2003). Ở bậc tiểu học, học sinh đang trong giai đoạn hình thành và phát triển các chức năng tâm lý cơ bản nên dễ chịu tác động từ gia đình, nhà trường và môi trường xã hội. Các biểu hiện như lo âu, tăng động/giảm chú ý, khó khăn trong quan hệ bạn bè hoặc hành vi chưa phù hợp nếu không được phát hiện và hỗ trợ kịp thời có thể ảnh hưởng đến quá trình học tập và sự thích nghi của học sinh.

Trong nghiên cứu và thực hành, thang đo Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) do Goodman (1997) xây dựng là một trong những công cụ được sử dụng phổ biến để sàng lọc và đánh giá các khó khăn tâm lý ở trẻ em. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định SDQ có độ tin cậy và giá trị trong việc phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe tâm thần, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động tư vấn và can thiệp tâm lý học đường (Goodman và cộng sự, 2000; Bryant, Guy, & Holmes, 2020). Tại Việt Nam, các nghiên cứu về sức khỏe tâm thần học đường cho thấy vẫn còn một tỷ lệ đáng kể học sinh gặp khó khăn về cảm xúc, hành vi và quan hệ xã hội, đòi hỏi sự quan tâm của nhà trường và gia đình (Weiss và cộng sự, 2014; Phạm và cộng sự, 2023; Phạm Thị Phương Thức và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, các nghiên cứu đối với học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh còn tương đối hạn chế, đặc biệt là những nghiên cứu đánh giá đồng thời từ giáo viên và phụ huynh nhằm phản ánh đầy đủ thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh thông qua thang đo SDQ, đồng thời phân tích một số yếu tố ảnh hưởng, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình sàng lọc, tư vấn và hỗ trợ tâm lý học đường phù hợp.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Một số Khái niệm

2.1.1. Khó khăn tâm lý

Khó khăn tâm lý là một khái niệm được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực tâm lý học và giáo dục học nhằm chỉ những trạng thái bất ổn, rối nhiễu hoặc thiếu thích nghi trong đời sống tâm lý của cá nhân. Theo quan điểm hiện đại, khó khăn

tâm lý không được xem là một trạng thái "bệnh lý" rõ rệt mà tồn tại trên một phổ liên tục từ bình thường đến rối loạn. Điều này có nghĩa là các biểu hiện như lo âu, buồn bã, mất tập trung hoặc hành vi chống đối có thể xuất hiện ở mức độ nhẹ trong đời sống hằng ngày, nhưng nếu kéo dài hoặc gia tăng cường độ thì có thể phát triển thành các vấn đề tâm lý nghiêm trọng hơn (Costello và cộng sự, 2003). Trong nghiên cứu về trẻ em, khó khăn tâm lý thường được xem xét thông qua các nhóm biểu hiện phổ biến như: vấn đề cảm xúc (lo âu, trầm buồn), vấn đề hành vi (chống đối, gây hấn), khó khăn về chú ý (tăng động, thiếu tập trung) và khó khăn trong quan hệ xã hội (bị cô lập, xung đột với bạn bè). Một trong những công cụ đo lường được sử dụng rộng rãi để đánh giá các khó khăn này là Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) do Robert Goodman phát triển. Thang đo này cho phép đánh giá đồng thời khó khăn và điểm mạnh của trẻ em, qua đó cung cấp cái nhìn toàn diện về tình trạng tâm lý của đối tượng nghiên cứu (Goodman, 1997). Các nghiên cứu tiếp theo đã khẳng định SDQ có độ tin cậy và giá trị cao trong nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau (Goodman và cộng sự, 2000; Goodman, 2011).

Như vậy, có thể hiểu rằng khó khăn tâm lý là trạng thái không thích ứng của cá nhân trong đời sống tâm lý, biểu hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau và có thể được đo lường một cách hệ thống thông qua các công cụ khoa học.

2.1.2. Khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học

Khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học là những biểu hiện tiêu cực trong đời sống tâm lý của trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 11, ảnh hưởng đến quá trình học tập, giao tiếp và sự phát triển toàn diện của cá nhân. Những khó khăn này xuất hiện trong bối cảnh trẻ đang trải qua giai đoạn chuyển tiếp quan trọng từ môi trường gia đình sang môi trường học đường chính thức; có thể dẫn đến các biểu hiện như lo âu học đường, sợ thất bại, hành vi chống đối hoặc thu mình trong giao tiếp.

Đặc biệt, khó khăn tâm lý ở học sinh tiểu học không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn tác động đến sự phát triển nhân cách và các mối quan hệ xã hội của trẻ. Những trẻ gặp khó khăn tâm lý có nguy cơ cao gặp vấn đề trong giao tiếp, thiếu tự tin và khó thích nghi với môi trường học tập.

2.1.3. Biểu hiện của khó khăn tâm lý ở học sinh tiểu học

Học sinh tiểu học nằm trong giai đoạn phát triển từ 6 đến 11 tuổi, tương ứng với giai đoạn "tư duy thao tác cụ thể" theo lý thuyết phát triển nhận thức của Jean Piaget. Đây là giai đoạn có nhiều biến đổi quan trọng về nhận thức, cảm xúc và xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển ở các giai đoạn tiếp theo (Piaget, 1952). Đồng thời, theo cách tiếp cận phát triển toàn diện, giai đoạn này cũng được xem là thời kỳ quan trọng trong việc hình thành các năng lực học tập và kỹ năng xã hội cơ bản của trẻ (Eccles, 1999).

Dựa trên cách tiếp cận của thang đo SDQ, khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học có thể được phân thành năm nhóm biểu hiện chính, phản ánh các khía cạnh khác nhau của đời sống tâm lý.

Thứ nhất, vấn đề cảm xúc bao gồm các biểu hiện như lo âu, buồn bã, sợ hãi hoặc thiếu tự tin. Đây là nhóm khó khăn phổ biến ở học sinh, đặc biệt trong bối cảnh áp lực học tập gia tăng.

Thứ hai, vấn đề hành vi thể hiện qua các hành vi chống đối, gây hấn, vi phạm nội quy hoặc thiếu tuân thủ quy tắc.

Thứ ba, tăng động/giảm chú ý là nhóm biểu hiện liên quan đến khả năng tập trung và kiểm soát hoạt động. Học sinh có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sự chú ý, dễ bị phân tán hoặc hoạt động quá mức.

Thứ tư, khó khăn trong quan hệ bạn bè bao gồm các biểu hiện như bị cô lập, ít bạn, khó hòa nhập hoặc thường xuyên xung đột với bạn bè. Những khó khăn này ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kỹ năng xã hội của trẻ.

Thứ năm, hành vi xã hội tích cực (prosocial behavior) phản ánh khả năng hợp tác, chia sẻ và quan tâm đến người khác.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế định lượng, cắt ngang (cross-sectional study) nhằm khảo sát thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học tại một thời điểm nhất định, đồng thời phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố cá nhân và bối cảnh với mức độ khó khăn tâm lý.

Thiết kế này cho phép thu thập dữ liệu trên quy mô tương đối lớn trong thời gian ngắn, phù hợp với mục tiêu mô tả và phân tích. Đồng thời, nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận đa nguồn thông tin (giáo viên và phụ huynh), giúp đánh giá hành vi và cảm xúc của học sinh trong nhiều bối cảnh (trường học và gia đình), từ đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu.

2.2.2. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Là học sinh tiểu học đang theo học tại một số trường tiểu học trên địa

bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đặc thù của thang đo SDQ, việc đánh giá khó khăn tâm lý của học sinh được thực hiện gián tiếp thông qua những người quan sát gần gũi với học sinh, bao gồm giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh

- Cỡ mẫu của nghiên cứu gồm: 468 học sinh, đảm bảo đủ lớn để thực hiện

- Tiêu chí lựa chọn mẫu bao gồm: Học sinh đang theo học tại các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Có sự đồng ý tham gia của giáo viên và phụ huynh;

2.2.3. Công cụ nghiên cứu

- Công cụ chính là thang đo Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) do Robert Goodman xây dựng.

- Thang đo gồm 25 mục, chia thành 5 lĩnh vực: Khó khăn cảm xúc; Vấn đề hành vi; Tăng động/ giảm chú ý; Quan hệ bạn bè; Hành vi xã hội tích cực

- Ngoài ra, bảng hỏi còn thu thập thông tin cá nhân như giới tính, lớp học nhằm phục vụ phân tích so sánh.

2.2.4. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu sau khi thu thập sẽ được tiến hành mã hóa, kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm thống kê như SPSS hoặc Microsoft Excel để phục vụ cho quá trình phân tích. Trước hết, các bảng hỏi sẽ được rà soát nhằm đảm bảo tính đầy đủ và hợp lệ của dữ liệu; những phiếu trả lời thiếu thông tin quan trọng hoặc có dấu hiệu trả lời không nhất quán sẽ được loại bỏ. Sau đó, dữ liệu được mã hóa theo quy ước của thang đo Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ), trong đó các mục được quy đổi thành các giá trị số tương ứng để thuận tiện cho việc xử lý.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học theo đánh giá của giáo viên

Bảng 2.1. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn khó khăn tâm lý theo khảo sát giáo viên

Thang điểm	Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Cảm xúc	0	10	1.76	2.42
Hành vi	0	10	1.64	2.10
Tăng động	0	10	3.08	2.95
Mối quan hệ	0	8	3.01	1.70
Tổng điểm	0	37	9.50	7.78

Kết quả Bảng 2.1. Nhìn chung, điểm trung bình của các thang đo đều nằm ở mức thấp đến trung bình, cho thấy phần lớn học sinh trong mẫu nghiên cứu chưa có biểu hiện khó khăn tâm lý nghiêm trọng. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các lĩnh vực cho thấy một số dạng khó khăn nổi bật cần được quan tâm.

Cụ thể, trong các lĩnh vực được khảo sát, tăng động/giảm chú ý có điểm trung bình cao nhất (M = 3.08; SD = 2.95). Điều này cho thấy đây là dạng khó khăn phổ biến nhất ở học sinh tiểu học theo đánh giá của giáo viên. Kết quả này phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi, khả năng kiểm soát chú ý và hành vi của trẻ chưa hoàn thiện, dễ dẫn đến các biểu hiện như mất tập trung, hiếu động hoặc khó tuân thủ quy tắc trong lớp học. Tiếp theo, khó khăn trong mối quan hệ bạn bè cũng có mức điểm tương đối cao (M = 3.01; SD = 1.70). Điều này phản ánh rằng một bộ phận học sinh gặp trở ngại trong việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội, có thể biểu hiện qua việc ít bạn, khó hòa nhập hoặc thường xuyên xảy ra xung đột. Ở mức thấp hơn, các vấn đề cảm xúc (M = 1.76; SD = 2.42) và vấn đề hành vi (M = 1.64; SD = 2.10) có điểm trung bình thấp hơn so với các lĩnh vực khác. Điều này cho thấy theo đánh giá của giáo viên, các biểu hiện như lo âu, buồn bã hoặc hành vi chống đối, gây hấn không phổ biến bằng các vấn đề liên quan đến chú ý và quan hệ xã hội. Xét tổng thể, tổng điểm khó khăn tâm lý có giá trị trung bình là M = 9.50 (SD = 7.78), cho thấy mức độ khó khăn tâm lý chung của học sinh trong mẫu nghiên cứu ở mức không cao.

Bảng 2.2. Phân loại mức độ khó khăn tâm lý theo khảo sát giáo viên

Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ %	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Bình thường (0-13)	260	73%	1.76	2.42
Cận lâm sàng (14-16)	23	7%	1.64	2.10
Bất thường (17-40)	72	20%	3.08	2.95
Tổng cộng	355	100%	3.01	1.70

Bảng 2.2. cho thấy, phần lớn học sinh nằm trong nhóm bình thường, với 260 em, chiếm 73% tổng số mẫu khảo sát. Điều này phản ánh rằng đa số học sinh có trạng thái tâm lý tương đối ổn định, có khả năng thích nghi với yêu cầu học tập và môi trường học đường. Tuy nhiên, đáng chú ý là vẫn tồn tại một tỷ lệ không nhỏ học sinh có nguy cơ gặp khó khăn tâm lý. Cụ thể, nhóm cận lâm sàng gồm 23 học sinh, chiếm 7%, đây là nhóm có dấu hiệu khó khăn ở mức trung gian, có thể chuyển biến theo hướng tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào điều kiện hỗ trợ từ gia đình và nhà trường. Đặc biệt, nhóm bất thường chiếm tới 20% (72 học sinh), đây là tỷ lệ tương đối cao và cần được quan tâm nghiêm túc. Những học sinh thuộc nhóm này có khả năng gặp các khó khăn đáng kể về cảm xúc, hành vi hoặc quan hệ xã hội, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập và sự phát triển tâm lý lâu dài.

2.3.3. Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học theo đánh giá phụ huynh

Bảng 2.3. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn khó khăn tâm lý theo khảo sát phụ huynh

Thang điểm	Min	Max	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Cảm xúc	0	6	2.51	1.82
Hành vi	0	6	1.82	1.38
Tăng động	0	9	3.28	1.99
Mối quan hệ	0	7	2.46	1.50
Tổng điểm	0	24	10.08	4.86

Kết quả Bảng 2.3. Nhìn chung, điểm trung bình của các thang đo cho thấy học sinh có biểu hiện khó khăn tâm lý ở mức thấp đến trung bình, tuy nhiên có sự khác biệt nhất định giữa các lĩnh vực. Cụ thể, tăng động/giảm chú ý tiếp tục là lĩnh vực có điểm trung bình cao nhất (M = 3.28; SD = 1.99). Kết quả này tương đồng với đánh giá của giáo viên, cho thấy các biểu hiện như khó tập trung, hiếu động hoặc thiếu kiểm soát hành vi là những khó khăn nổi bật ở học sinh t3ểu học. Tiếp theo, khó khăn cảm xúc có điểm trung bình tương đối cao (M = 2.51; SD = 1.82), cao hơn so với đánh giá của giáo viên. Điều này cho thấy phụ huynh có xu hướng nhận diện rõ hơn các biểu hiện nội tâm của trẻ như lo âu, buồn bã hoặc nhạy cảm cảm xúc. Khó khăn trong mối quan hệ bạn bè có điểm trung bình M = 2.46 (SD = 1.50), cho thấy một bộ phận học sinh gặp trở ngại trong tương tác xã hội. Tuy nhiên, mức điểm này thấp hơn so với đánh giá của giáo viên, có thể do phụ huynh ít có cơ hội quan sát trực tiếp các tương tác của trẻ trong môi trường lớp học.

Trong khi đó, vấn đề hành vi có điểm trung bình thấp nhất (M = 1.82; SD = 1.38), cho thấy theo đánh giá của phụ huynh, các hành vi chống đối hoặc gây hấn không phổ biến bằng các khó khăn khác.

Nhìn chung, đa số học sinh được phụ huynh đánh giá ở mức bình thường, với 87/113 em, chiếm 77% tổng số mẫu khảo sát. Điều này cho thấy phần lớn học sinh thích nghi tâm lý tương đối tốt trong bối cảnh gia đình. Tuy nhiên, vẫn có một tỷ lệ đáng kể học sinh nằm trong nhóm có nguy cơ. Cụ thể, 13% học sinh thuộc mức cận lâm sàng (15 em), đây là nhóm có các biểu hiện khó khăn tâm lý ở mức ranh giới và cần được theo dõi thêm. Đáng chú ý, có 10% học sinh được xếp vào mức bất thường (11 em), cho thấy sự hiện diện của các vấn đề tâm lý rõ rệt và có thể cần đến sự hỗ trợ chuyên sâu. So sánh với kết quả đánh giá của giáo viên, có thể nhận thấy rằng tỷ lệ học sinh thuộc nhóm bất thường theo phụ huynh (10%) thấp hơn so với giáo viên (20%), trong khi tỷ lệ ở mức bình thường lại cao hơn. Từ góc độ thực tiễn, kết quả cho thấy mặc dù đa số học sinh có trạng thái tâm lý ổn định, nhưng vẫn tồn tại một nhóm không nhỏ học sinh có nguy cơ hoặc đã có biểu hiện khó khăn tâm lý.

2.3.4. Bàn luận về kết quả khảo sát thực trạng

Kết quả nghiên cứu phản ánh rõ thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học trong bối cảnh đô thị đặc thù như Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có mật độ dân cư cao, nhịp sống nhanh và áp lực học tập ngày càng gia tăng. Trước hết, tỷ lệ học sinh thuộc nhóm bất thường theo đánh giá của giáo viên (khoảng 20%) là một con số đáng lưu ý. So sánh với các nghiên cứu quốc tế, tỷ lệ trẻ em có vấn đề sức khỏe tâm thần trong cộng đồng thường dao động từ 10–20% (Costello và cộng sự, 2003; Goodman, 1997). Như vậy, kết quả nghiên cứu này nằm ở ngưỡng cao của phổ phân bố, cho thấy khó khăn tâm lý ở học sinh tiểu học không phải là hiện tượng cá biệt mà có xu hướng phổ biến, đặc biệt trong các bối cảnh đô thị hóa mạnh.

Trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh, học sinh phải đối mặt với nhiều áp lực từ học tập, kỳ vọng gia đình và môi trường cạnh tranh. Cụ thể, kết quả cho thấy thang đo tăng động/giảm chú ý có điểm trung bình cao nhất ở cả hai nguồn đánh giá. Theo mô hình của Robert Goodman, đây là nhóm khó khăn thuộc dạng externalizing problems, phản ánh hạn chế trong khả năng tự kiểm soát và điều chỉnh hành vi (Goodman, 1997). Các nghiên cứu tiếp theo cũng khẳng định rằng điểm số SDQ cao ở nhóm này có liên quan đến nguy cơ rối loạn tâm lý cao hơn trong tương lai (Goodman và cộng sự, 2000). Bên cạnh đó, khó khăn trong quan hệ bạn bè cũng được giáo viên đánh giá ở mức tương đối cao. Điều này phản ánh thách thức trong việc thích nghi xã hội của học sinh trong bối cảnh lớp học đông và tương tác phức tạp. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định lượng thông qua thang đo SDQ, do đó chưa phản ánh đầy đủ chiều sâu của các vấn đề tâm lý. Thứ hai, mẫu nghiên cứu được thu thập tại một số trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh nên chưa đại diện cho toàn bộ học sinh trên địa bàn. Ngoài ra, nghiên cứu chưa phân tích sâu các yếu tố ảnh hưởng như điều kiện gia đình, áp lực học tập hay môi trường lớp học.

III. KẾT LUẬN

Bài viết đã trình bày một cách hệ thống về tổ chức nghiên cứu và kết quả nghiên cứu liên quan đến thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó cho thấy phần lớn học sinh tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh có mức độ khó khăn tâm lý ở ngưỡng bình thường; tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ đáng kể học sinh thuộc nhóm cận lâm sàng và bất thường cần được quan tâm. Các khó khăn nổi bật tập trung ở lĩnh vực tăng động/giảm chú ý và quan hệ bạn bè. Kết quả cũng cho thấy có sự khác biệt giữa đánh giá của giáo viên và phụ huynh, khẳng định sự cần thiết của việc sử dụng nhiều nguồn thông tin trong sàng lọc và đánh giá tâm lý học sinh. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung dữ liệu về sức khỏe tâm lý học đường ở học sinh tiểu học và là cơ sở để nhà trường, gia đình và các nhà quản lý giáo dục xây dựng các chương trình phát hiện sớm, tư vấn và hỗ trợ tâm lý phù hợp, góp phần nâng cao sức khỏe tinh thần và sự phát triển toàn diện của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bryant, A., Guy, J., The CALM Team, & Holmes, J. (2020). The Strengths and Difficulties Questionnaire predicts concurrent mental health difficulties in a transdiagnostic sample. Frontiers in Psychology, 11, 587821.

Costello, E. J., Mustillo, S., Erkanli, A., Keeler, G., & Angold, A. (2003). Prevalence and development of psychiatric disorders in childhood and adolescence. Archives of General Psychiatry, 60(8), 837–844.

Goodman, R. (1997). The Strengths and Difficulties Questionnaire: A research note. Journal of Child Psychology and Psychiatry, 38(5), 581–586.

Goodman, R., Ford, T., Simmons, H., Gatward, R., & Meltzer, H. (2000). Using the Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) to screen for child psychiatric disorders in a community sample. British Journal of Psychiatry, 177(6), 534–539.

Phạm, B. T. N., và cộng sự. (2023). Prevalence of mental disorders in students. MedPharmRes, 7(2).

Phạm, T. P. T., và cộng sự. (2024). Sức khỏe tâm thần của học sinh tiểu học: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(4).

Weiss, B., Dang, H. M., & Nguyen, M. C. T. (2014). Child mental health in Vietnam: Current status and future directions. International Perspectives in Psychology: Research, Practice, Consultation, 3(3), 139–153